



NATIONAL
GEOGRAPHIC
LEARNING

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
MÔN **GIÁO DỤC CÔNG DÂN****

9

Năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA MÔN **GIÁO DỤC CÔNG DÂN**

BỘ SÁCH CÁNH DIỀU



HÀ NỘI – 2024



I. ĐẶC ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN TRUNG HỌC CƠ SỞ

Môn Giáo dục công dân ở cấp trung học cơ sở giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp học sinh hình thành, phát triển ý thức và hành vi của người công dân. Thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, môn Giáo dục công dân góp phần bồi dưỡng cho học sinh những phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của người công dân, đặc biệt là tình cảm, niềm tin, nhận thức, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật, có kỹ năng sống và bản lĩnh để học tập, làm việc và sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

Nội dung chủ yếu của môn Giáo dục công dân ở trung học cơ sở là giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, pháp luật và kinh tế. Những nội dung này định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, quê hương, cộng đồng, nhằm hình thành cho học sinh thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập, sinh hoạt và ý thức tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình môn Giáo dục công dân tuân thủ các định hướng nêu trong Chương trình tổng thể, đồng thời, xuất phát từ đặc điểm môn học, nhấn mạnh các quan điểm sau:

1. Chương trình môn Giáo dục công dân bảo đảm tính khoa học, tính sư phạm và tính thực tiễn, được xây dựng trên cơ sở các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam và truyền thống chung của nhân loại; các thành tựu nghiên cứu về tâm lý học, giáo dục học, đạo đức học, luật học; thực tiễn xã hội, giáo dục, điều kiện kinh tế và truyền thống văn hoá Việt Nam, sự đa dạng của đối tượng học sinh xét về phương diện vùng miền, điều kiện và khả năng học tập.

2. Chương trình môn Giáo dục công dân bảo đảm tính hệ thống. Ở cấp trung học cơ sở, môn Giáo dục công dân được xây dựng theo hướng đồng tâm và phát triển, dựa trên các mạch nội dung giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, kinh tế, pháp luật và xoay quanh các mối quan hệ của con người với bản thân và người khác, với cộng đồng, đất nước, nhân loại, công việc và môi trường tự nhiên; mở rộng và nâng cao dần từ cấp tiểu học đến cấp trung học cơ sở.



3. Chương trình môn Giáo dục công dân chú trọng tích hợp các nội dung giáo dục trong nội bộ môn học về kỹ năng sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế và tích hợp nhiều chủ đề giáo dục cần thiết như: lý tưởng sống, hoạt động cộng đồng, bảo vệ hoà bình, quản lý thời gian, tài chính, thích ứng với thay đổi, thực hiện pháp luật,...

4. Chương trình môn Giáo dục công dân được xây dựng theo hướng mở. Chương trình chỉ quy định những yêu cầu cần đạt; những nội dung dạy học cơ bản, cốt lõi cho mỗi lớp học nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt; những định hướng chung về phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục. Căn cứ vào các yêu cầu cần đạt và định hướng chung của chương trình, các tác giả sách giáo khoa, cơ sở giáo dục và giáo viên môn Giáo dục công dân chủ động, sáng tạo trong quá trình thực hiện và phát triển chương trình.

III. MỤC TIÊU MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9

Mục tiêu của môn Giáo dục công dân (GD CD) ở lớp 9 nhằm:

a) Giúp học sinh có hiểu biết về những chuẩn mực đạo đức, pháp luật cơ bản và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực đó; sống có lý tưởng, khoan dung, khách quan và công bằng; tích cực, tự giác tham gia hoạt động cộng đồng và các hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình; tự giác chấp hành pháp luật trong học tập, lao động, sản xuất kinh doanh và trong cuộc sống.

b) Giúp học sinh có tri thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kỹ năng sống, kinh tế, pháp luật; đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; thực hiện được các công việc để đạt mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân; biết quản lý thời gian và thích ứng với thay đổi, giải quyết các vấn đề đơn giản trong đời sống của cá nhân, cộng đồng phù hợp với chuẩn mực đạo đức, quy tắc của cộng đồng, quy định của pháp luật và lứa tuổi.

IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN TRUNG HỌC CƠ SỞ

4.1. Về năng lực

a) Các năng lực chung

Môn GD CD lớp 9 góp phần hình thành, phát triển ở học sinh 3 năng lực chung:

● *Năng lực tự chủ và tự học*

– Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống ỷ lại, dựa dẫm vào người khác.

– Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết làm chủ tình cảm, cảm xúc để có hành vi phù hợp trong học tập và đời sống. Biết thực hiện quản lý thời gian hiệu quả; chủ động, tự giác tìm hiểu và thực hiện pháp luật.



● **Năng lực giao tiếp và hợp tác**

– Biết cách thiết lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ trong trường, lớp, với các thành viên trong khu dân cư và cộng đồng xã hội để thực hiện các hoạt động chung vì cộng đồng.

– Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

● **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**

– Phân tích được tình huống nảy sinh trong cuộc sống của bản thân và gia đình, cộng đồng.

– Phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trước những thay đổi trong cuộc sống của gia đình và bản thân, ở khu dân cư, cộng đồng.

– Đề xuất được cách giải quyết vấn đề phù hợp trong học tập, trong cuộc sống của cộng đồng, của gia đình và bản thân để thích ứng với thay đổi.

b) Các năng lực đặc thù

Môn GD&CD có ba năng lực đặc thù: năng lực điều chỉnh hành vi; năng lực phát triển bản thân; năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội. Các năng lực đặc thù này là biểu hiện đặc thù của các năng lực chung và năng lực khoa học đã được nêu trong Chương trình tổng thể.

● **Năng lực điều chỉnh hành vi**

** Nhận thức chuẩn mực hành vi*

– Nhận biết được thế nào là sống có lí tưởng, lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam, vì sao cần sống có lí tưởng.

– Nhận biết được thế nào là khoan dung, giá trị của khoan dung; biểu hiện của khách quan, công bằng và ý nghĩa của khách quan, công bằng.

– Nhận biết được sự cần thiết tham gia hoạt động cộng đồng, trách nhiệm của học sinh trong việc tham gia vào các hoạt động vì cộng đồng.

– Nhận biết được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; hiểu được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.

– Nhận biết được thế nào quản lí thời gian hiệu quả, sự cần thiết quản lí thời gian hiệu quả và cách quản lí thời gian hiệu quả; thế nào là tiêu dùng thông minh, lợi ích của tiêu dùng thông minh và cách tiêu dùng thông minh.

– Nhận biết được một số thay đổi có thể xảy ra trong cuộc sống, biện pháp thích ứng với thay đổi và ý nghĩa của sự thích ứng với những thay đổi.

– Nhận biết được thế nào là vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí, ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí; quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế, trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.



** Đánh giá hành vi của bản thân và người khác*

– Đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác về:

+ Khoan dung;

+ Tham gia vào các hoạt động cộng đồng;

+ Khách quan, công bằng trong cuộc sống;

+ Tham gia vào các hoạt động cộng đồng;

+ Chấp hành pháp luật trong một số lĩnh vực của đời sống.

– Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi tích cực; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi tiêu cực về đạo đức và pháp luật.

** Điều chỉnh hành vi*

– Thực hiện được thái độ, hành vi, việc làm thể hiện lòng khoan dung, khách quan và công bằng trong cuộc sống.

– Tham gia tích cực, tự giác vào các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.

– Thích ứng được với những thay đổi trong cuộc sống.

– Thực hiện được kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả và tiêu dùng thông minh trong cuộc sống.

– Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.

● *Năng lực phát triển bản thân*

** Tự nhận thức bản thân*

Tự nhận biết được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí và các quan hệ xã hội của bản thân.

** Lập kế hoạch phát triển bản thân*

– Xác định được lí tưởng sống của bản thân; lập được mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện, kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp theo hướng dẫn.

– Xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân sau trung học cơ sở với sự tư vấn của thầy cô giáo và người thân.

** Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân*

– Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện; tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.

– Thực hiện được việc quản lí và chi tiêu tiền hợp lí theo kế hoạch đã đề ra.



● **Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội**

** Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội*

– Hiểu được kiến thức phổ thông, cơ bản về lí tưởng sống của thanh niên, khoan dung, khách quan và công bằng, quản lí thời gian hiệu quả và tiêu dùng thông minh, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí, quyền tự do kinh và nghĩa vụ nộp thuế.

– Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến lí tưởng sống của thanh niên, khoan dung, khách quan và công bằng, quản lí thời gian hiệu quả và tiêu dùng thông minh, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí, quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế phù hợp với lứa tuổi.

** Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội*

– Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được các vấn đề thường gặp hoặc một số vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến lí tưởng sống của thanh niên, khoan dung, khách quan và công bằng, quản lí thời gian hiệu quả và tiêu dùng thông minh, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí, quyền tự do kinh và nghĩa vụ nộp thuế phù hợp với lứa tuổi trong những tình huống mới của cá nhân, gia đình, cộng đồng.

– Có khả năng tham gia thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế nêu trên phù hợp với lứa tuổi.

– Đề xuất được phương án tổ chức, chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao; khiêm tốn học hỏi và giúp đỡ các thành viên khác cùng hoàn thành nhiệm vụ của nhóm trong hợp tác giải quyết các vấn đề học tập, lao động và hoạt động cộng đồng.

4.2. Về phẩm chất

Môn Giáo dục công dân lớp 9 góp phần bồi dưỡng cho học sinh 5 phẩm chất:

● **Yêu nước**

– Tham gia tích cực, tự giác vào các hoạt động chung của cộng đồng do lớp, trường, địa phương tổ chức.

– Có ý thức tìm hiểu về hoà bình và bảo vệ hoà bình; biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình.

● **Nhân ái**

– Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.

– Sống chân thành, rộng lượng, biết tha thứ.

– Cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.

– Tôn trọng và chấp nhận sự khác biệt của người khác.



● Chăm chỉ

- Ham học tập để có kiến thức về đạo đức, kỹ năng sống, kinh tế và pháp luật trong môn học.
- Tham gia vào các hoạt động của cộng đồng phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân.
- Có ý thức học tốt các môn học, các nội dung hướng nghiệp; có hiểu biết về một nghề phổ thông.

● Trung thực

- Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm.
- Ứng xử khách quan, công bằng trong học tập và trong cuộc sống ở trường, lớp, gia đình, khu dân cư và cộng đồng.
- Không xâm phạm của công.
- Đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong cuộc sống.

● Trách nhiệm

- Có ý thức sử dụng thời gian hợp lý, hiệu quả.
- Có ý thức tiêu dùng thông minh trong cuộc sống.
- Quan tâm đến công việc của cộng đồng; tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động chung của cộng đồng.
- Tôn trọng, chấp hành pháp luật trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.
- Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên do nhà trường, địa phương tổ chức.

V. NỘI DUNG GIÁO DỤC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9

Thời lượng môn Giáo dục công dân: 1 tiết/tuần x 35 tuần = 35 tiết, trong đó:

- Giáo dục đạo đức: 35%
- Giáo dục kỹ năng sống: 20%
- Giáo dục kinh tế: 10%
- Giáo dục pháp luật: 25%
- 10% thời lượng còn lại dành cho các hoạt động đánh giá định kì.

Thời lượng dành cho mỗi bài:

Bài	Số tiết
Bài 1. Sống có lí tưởng	2
Bài 2. Khoan dung	2



Bài 3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	3
Bài 4. Khách quan và công bằng	3
Bài 5. Bảo vệ hoà bình	3
Bài 6. Quản lí thời gian hiệu quả	4
Bài 7. Thích ứng với thay đổi	3
Bài 8. Tiêu dùng thông minh	3
Bài 9. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí	4
Bài 10. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế	4

Tổ/nhóm chuyên môn có thể thống nhất xây dựng kế hoạch và đề xuất với Hiệu trưởng quyết định về số tiết cho mỗi bài cụ thể, sao cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

VI. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9

6.1. Một số phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân lớp 9

6.1.1. Dạy học khám phá

Dạy học khám phá là cách thức tổ chức dạy học, trong đó HS tự tìm tòi, khám phá phát hiện ra tri thức mới nào đó trong chương trình môn học thông qua các hoạt động dưới sự hướng dẫn, định hướng của GV.

a) Cách tiến hành

Giai đoạn 1: Chuẩn bị

- Xác định vấn đề cần khám phá: là vấn đề thường chứa đựng thông tin mới đặt dưới dạng câu hỏi hoặc bài tập nhỏ. Vấn đề khám phá cần phải vừa sức với HS.
- Xác định cách thức thu thập dữ liệu cần thiết cho việc đánh giá. Các dữ liệu thu được có thể là những quan sát trực tiếp của HS thông qua các hiện tượng thực tế hoặc các thông tin đọc được trong sách báo, tài liệu hoặc từ chính các trải nghiệm của HS.
- Xác định nội dung vấn đề học tập mà HS cần đạt được qua quá trình khám phá.
- Xác định cách thức báo cáo và đánh giá kết quả của hoạt động khám phá.

Giai đoạn 2: Tổ chức học tập khám phá

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

GV cần đảm bảo HS xác định rõ vấn đề cần khám phá, mục đích của việc khám phá đó cũng như cách thức hoạt động trong quá trình khám phá.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập khám phá

HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm đề xuất các giả thuyết về vấn đề được đặt ra. Tiếp theo, HS tiến hành thu thập các dữ liệu, thông tin thông qua các hoạt động



khảo sát và xử lý các dữ liệu để kiểm chứng giả thuyết đã đặt ra. HS có thể làm việc với các Phiếu học tập, các mô hình, hình ảnh, biểu đồ,... Sau đó HS trao đổi, thảo luận về tính đúng đắn của các giả thuyết được đưa ra.

Bước 3. Trình bày và đánh giá kết quả của hoạt động

GV tổ chức cho HS trình bày kết quả của hoạt động khám phá. Từ đó, GV hướng dẫn HS lựa chọn những phán đoán, kết luận đúng để hình thành kiến thức mới.

b) Một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp dạy học khám phá

– GV phải hiểu khả năng của từng HS, từ đó có cách hướng dẫn phù hợp, giúp HS hiểu chính xác nhiệm vụ của mình trong từng hoạt động khám phá.

– GV chuẩn bị các câu hỏi gợi mở từng bước, giúp HS tự lực đi tới mục tiêu của hoạt động. Lưu ý những biểu hiện của HS có khả năng khám phá học tập như: Hiểu các thông tin mới, có kĩ năng so sánh, phân tích, tổng hợp, huy động kiến thức và phương pháp giải quyết vấn đề bằng nhiều cách khác nhau. Ngoài ra còn chú ý tới thái độ chủ động tích cực trong việc tiếp cận và giải quyết tình huống và vấn đề mới, phức tạp.

c) Ví dụ minh họa

Để HS giải quyết được tình huống 3 (Mục 1 Bài 9 SGK lớp 9), GV sử dụng phương pháp dạy học khám phá như sau:

Giai đoạn 1:

– Xác định vấn đề cần khám phá với các giả thuyết: *Hành vi, biểu hiện của anh T là vi phạm pháp luật.*

– Xác định cách thu thập dữ liệu: Tìm thông tin liên quan đến giả thuyết “thường xuyên đi làm muộn” là vi phạm pháp luật về lao động, được quy định tại Điều 117 Bộ luật Lao động năm 2019; “Không mặc áo bảo hộ lao động” là vi phạm khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động.

– Xác định cách báo cáo: cá nhân và nhóm.

Giai đoạn 2:

– GV giao nhiệm vụ: Đọc tình huống và trả lời câu hỏi a mục 1 trang 54: *Căn cứ vào thông tin, em hãy cho biết thế nào là vi phạm pháp luật. Có những loại vi phạm pháp luật nào? Xác định dấu hiệu vi phạm pháp luật của từng loại vi phạm pháp luật.*

– HS làm việc cá nhân, thu thập các dữ liệu, thông tin để kiểm chứng các giả thuyết đã đặt ra, thảo luận theo nhóm về tính đúng đắn của giả thuyết và sự đáp ứng của dữ liệu đã tìm được.

– GV tổ chức cho HS trình bày kết quả, hướng dẫn HS lựa chọn những phán đoán, kết luận đúng để hình thành kiến thức: Trong tình huống 3, anh T đã vi phạm



pháp luật, cụ thể là vi phạm kỉ luật lao động quy định tại Điều 117 và 118 Bộ luật Lao động năm 2019.

Từ kết quả làm việc của HS, GV dẫn dắt HS đến hình thành kiến thức về quyền bất khả xâm phạm về thân thể: *Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi, do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện, xâm phạm các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.*

6.1.2. Dạy học hợp tác

Dạy học hợp tác là dạy học trong đó GV tổ chức cho HS hình thành các nhóm hợp tác, cùng nhau nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề do GV đặt ra. Từ đó giúp HS tiếp thu một lượng kiến thức nhất định dựa trên cơ sở hoạt động tích cực của từng cá nhân. Từng thành viên của nhóm không chỉ có trách nhiệm về việc học tập của mình mà còn có trách nhiệm quan tâm đến việc học tập của bạn bè trong nhóm.

a) Cách tiến hành

Giai đoạn 1: Chuẩn bị

- Xác định tiêu chí thành lập nhóm: theo trình độ của HS, theo ngẫu nhiên, theo sở trường của HS,...
- Thiết kế các hoạt động kết hợp cá nhân, theo cặp, theo nhóm để thay đổi hoạt động tạo hứng thú và nâng cao kết quả học tập của HS.
- Xác định thời gian phù hợp cho hoạt động nhóm để thực hiện có hiệu quả.
- Thiết kế các phiếu/hình thức giao nhiệm vụ tạo điều kiện cho HS dễ dàng hiểu rõ nhiệm vụ và thể hiện rõ kết quả hoạt động của cá nhân hoặc của cả nhóm.

Giai đoạn 2: Tổ chức dạy học hợp tác

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức cho toàn lớp với các hoạt động chính như giới thiệu chủ đề; thành lập các nhóm làm việc; xác định nhiệm vụ của các nhóm; xác định và giải thích nhiệm vụ cụ thể của các nhóm; xác định rõ mục tiêu cụ thể cần đạt được. Nhiệm vụ của các nhóm có thể giống nhau hoặc khác nhau.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập có sự hợp tác

Các nhóm tự lực thực hiện nhiệm vụ được giao, trong đó có hoạt động chính là chuẩn bị chỗ làm việc nhóm; lập kế hoạch làm việc; thoả thuận về quy tắc làm việc; tiến hành giải quyết nhiệm vụ; chuẩn bị báo cáo kết quả trước lớp; xác định nội dung, cách trình bày kết quả.

Bước 3. Trình bày và đánh giá kết quả của hoạt động hợp tác

Đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp (trình bày miệng hoặc trình bày với báo cáo kèm theo hoặc trình bày có minh hoạ). GV hướng dẫn HS lắng nghe và phản



hồi tích cực. Kết quả trình bày của các nhóm được chia sẻ với các nhóm khác, để góp ý và là cơ sở để triển khai các nhiệm vụ tiếp theo.

b) Một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp dạy học hợp tác

- Chủ đề có hợp với dạy học hợp tác theo nhóm không?
- Các nhóm làm việc với nhiệm vụ giống hay khác nhau?
- HS đã có đủ kiến thức điều kiện cho công việc nhóm chưa?
- Cần trình bày nhiệm vụ làm việc nhóm như thế nào?
- Cần chia nhóm theo tiêu chí nào?
- Quy định rõ thời gian thảo luận và thời gian trình bày sản phẩm của mỗi nhóm.
- Trong khi các nhóm thảo luận, GV chủ động quan sát, động viên, khích lệ, hướng HS tập trung thảo luận vào chủ đề đã được phân công.
- Trong giờ học hợp tác, giáo viên dẫn dắt học sinh khám phá, lĩnh hội kiến thức qua từng bước. Các nhóm học sinh thực hiện nhiệm vụ của mình, qua đó có thể rút ra các tri thức, kiến thức cần thiết cho mình.

c) Ví dụ minh họa

Đề dạy về (Mục 1 bài 8 SGK lớp 9), GV sử dụng phương pháp dạy học hợp tác như sau:

Giai đoạn 1:

- Xác định tiêu chí thành lập nhóm: Theo sở trường của HS.
- Thiết kế các hoạt động: Cá nhân kết hợp hợp tác nhóm.
- Xác định thời gian phù hợp.

Giai đoạn 2:

Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm (4 hoặc 6 nhóm) và giao nhiệm vụ cho HS như sau:

- + Cá nhân: Đọc trường hợp 1, 2, 3 SGK trang 46:

▪ **Trường hợp 1**

Bạn H rủ T đến một cửa hàng bán dụng cụ thể thao trên phố để mua vợt cầu lông. Sau khi nghe người bán hàng tư vấn, T khuyên H không nên mua vì thấy vợt cầu lông ở đây khá đắt mà không đảm bảo chất lượng. Hơn nữa, T còn biết một số bạn trong lớp cũng mua vợt cầu lông ở đây nhưng đều nhận xét vợt nhanh hỏng. Nghe T nói, H hơi phân vân nhưng vì đang thích có vợt cầu lông để dùng ngay nên H vẫn quyết định mua.

▪ **Trường hợp 2**



Chị Tâm có thói quen xây dựng kế hoạch chi tiêu cá nhân, trong đó xác định rõ các mặt hàng thiết yếu, không thiết yếu. Trước khi mua sắm, chị thường tìm hiểu kỹ thông tin sản phẩm. Nhờ đó, chị luôn chủ động thực hiện mục tiêu tài chính cá nhân của mình.

▪ Trường hợp 3

Chủ nhật hằng tuần, Lâm và mẹ thường cùng nhau đi siêu thị để mua sắm đồ dùng cho tuần sắp tới. Siêu thị thường xuyên có các chương trình khuyến mại. Lâm cho rằng, sản phẩm nào khuyến mại thì mua thật nhiều sẽ tiết kiệm hơn. Mẹ khuyên Lâm nên cân nhắc khi mua hàng khuyến mại, chỉ nên mua những thứ cần thiết, vẫn còn hạn sử dụng dài.

+ Làm việc theo nhóm: Từng thành viên chia sẻ suy nghĩ của mình về câu hỏi trong SGK:

a) Em hãy cho biết trong mỗi trường hợp trên, hành vi tiêu dùng nào phù hợp, hành vi tiêu dùng nào không phù hợp. Vì sao?

b) Theo em, trong các trường hợp trên, ai là người tiêu dùng thông minh? Vì sao?

c) Theo em, việc tiêu dùng thông minh sẽ mang lại những lợi ích nào?

Nhóm thảo luận tập trung, chọn nội dung đúng nhất để chia sẻ trước lớp.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: mỗi nhóm cử 1 HS làm thư kí ghi câu trả lời của các thành viên trong nhóm, trao đổi, chọn lọc các ý kiến đúng, tập trung nhất để đại diện nhóm trình bày trước lớp.

Bước 3: HS các nhóm báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV dựa vào sản phẩm và những trao đổi, lập luận của HS để nhận xét, đánh giá và hướng dẫn HS rút ra kết luận về tiêu dùng thông minh và lợi ích của tiêu dùng thông minh.

6.1.3. Phương pháp giải quyết vấn đề

Giải quyết vấn đề không phải là phương pháp dạy học (PPDH) riêng biệt mà là một tập hợp nhiều PPDH liên kết chặt chẽ và tương tác với nhau, trong đó việc đặt ra và hướng dẫn HS giải quyết vấn đề trong tình huống giữ vai trò trung tâm, gắn bó các PPDH khác.

Trong dạy học giải quyết vấn đề, HS được đặt trong một tình huống có vấn đề, thông qua việc giải quyết vấn đề đó giúp HS lĩnh hội tri thức, kỹ năng và phương pháp nhận thức. Tình huống có vấn đề sẽ xuất hiện khi một cá nhân đứng trước một nhiệm vụ, vấn đề cần giải quyết và bản thân chưa biết bằng cách nào, chưa đủ phương tiện (tri thức, kỹ năng,...) để tự giải quyết nhưng có mong muốn giải quyết được nhiệm vụ, vấn đề này.



a) Cách tiến hành

Bước 1: Nhận biết vấn đề

GV đưa người học vào tình huống có vấn đề hoặc GV có thể gợi ý người học tự tạo ra tình huống có vấn đề. Phát biểu vấn đề dưới dạng “mâu thuẫn nhận thức”, đó là mâu thuẫn giữa những cái đã biết với những cái chưa biết và HS muốn tìm tòi để giải quyết vấn đề mâu thuẫn đó.

Bước 2: Lập kế hoạch giải quyết vấn đề

HS đề xuất giả thuyết giải quyết vấn đề, đưa ra các phương án và lập kế hoạch để giải quyết vấn đề theo giả thuyết đã đặt ra.

Bước 3: Thực hiện kế hoạch

Thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề. Đánh giá việc thực hiện giả thuyết đặt ra đã đúng chưa, nếu đúng thì chuyển sang bước tiếp theo, nếu như chưa đúng thì quay trở lại bước 2 để chọn giả thuyết khác.

Bước 4: Kiểm tra, đánh giá và kết luận

GV tổ chức cho HS rút ra kết luận về cách giải quyết vấn đề trong tình huống đã được đặt ra, từ đó HS lĩnh hội được tri thức, kỹ năng của bài học hoặc vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong môn học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b) Một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề

– Lựa chọn các mức độ cho phù hợp với trình độ nhận thức của HS và nội dung cụ thể của mỗi bài học. Mức độ tham gia của HS càng nhiều thì HS sẽ càng tích cực, tuy nhiên đòi hỏi trình độ năng lực của HS càng cao.

– GV nêu và giải quyết vấn đề.

– GV nêu vấn đề và cho HS tham gia giải quyết vấn đề.

– GV phân tích vấn đề và gợi ý HS tìm cách giải quyết vấn đề.

– GV cung cấp thông tin cho HS, tạo tình huống để HS phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề.

– HS tự phát hiện vấn đề, tự lựa giải quyết và tự đánh giá.

c) Ví dụ minh họa

Khi dạy bài 2 “Khoan dung”, GV giao HS giải quyết vấn đề ở bài tập 2 phần Luyện tập, SGK trang 14:

Bố mẹ giao cho V nhiệm vụ dọn dẹp nhà cửa mỗi ngày nhưng V thường xuyên mãi chơi quên việc. Dù bố mẹ đã nhắc nhiều lần nhưng V vẫn không thay đổi. Một lần, có khách đến chơi nhà, V chợt nhận thấy bố mẹ rất ngượng với khách khi nhà cửa bừa bộn.

Câu hỏi: Nếu là bố mẹ của V, em sẽ ứng xử như thế nào?



6.1.4. Phương pháp xử lý tình huống

Phương pháp xử lý tình huống là phương pháp tổ chức cho HS xem xét, phân tích những vấn đề/tình huống cụ thể thường gặp phải trong đời sống thực tiễn và xác định cách giải quyết, xử lý vấn đề/tình huống đó một cách có hiệu quả, phù hợp với các chuẩn mực đạo đức, pháp luật trong thực tiễn.

a) Cách tiến hành

- GV nêu tình huống và hướng dẫn HS nhận dạng, xác định tình huống:
 - + Tình huống xảy ra ở đâu?
 - + Tình huống xảy ra khi nào?
 - + Xảy ra với ai?
 - + Vấn đề cần giải quyết là gì?
- GV giao nhiệm vụ xử lý tình huống cho HS/nhóm HS và hướng dẫn các em các bước để xử lý tình huống:
 - + Thu thập thông tin có liên quan đến tình huống đặt ra;
 - + Liệt kê/phân đoán các cách giải quyết có thể có;
 - + Phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết;
 - + So sánh kết quả các cách giải quyết;
 - + Lựa chọn cách giải quyết tối ưu nhất.
- HS/các nhóm HS làm việc, thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Một số HS/đại diện nhóm HS trình bày kết quả.
- GV tổng kết các ý kiến của HS và định hướng cho các em cách giải quyết phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

b) Một số lưu ý

- Các tình huống đưa ra để HS xử lý, giải quyết cần thoả mãn các yêu cầu sau:
 - + Phù hợp với chủ đề bài học Giáo dục công dân.
 - + Phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp 9 cả về độ khó và độ dài.
 - + Gắn gũi với cuộc sống thực của HS lớp 9.
- + Tình huống phải chứa đựng những mâu thuẫn cần giải quyết, gợi ra cho HS nhiều hướng suy nghĩ, nhiều cách giải quyết vấn đề.
 - Có thể tổ chức cho các nhóm HS xử lý, giải quyết cùng một tình huống hoặc các tình huống khác nhau, tùy theo mục đích của hoạt động.
 - HS cần xác định rõ tình huống trước khi xử lý tình huống.



– Có thể sử dụng kỹ thuật động não để HS cả lớp liệt kê các phương án giải quyết có thể xảy ra, trước khi giao nhiệm vụ cho HS/nhóm HS xử lý, lựa chọn phương án giải quyết tối ưu.

– Cách giải quyết tối ưu đối với mỗi HS/nhóm HS có thể giống hoặc khác nhau, tùy thuộc vào hoàn cảnh, cảm xúc và giá trị của các em.

c) Ví dụ minh họa

Khi dạy mục 1, bài 7 “Thích ứng với thay đổi”, GV có thể tổ chức cho HS xử lý tình huống 2 như sau:

Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, mấy năm gần đây sạt lở đất xuất hiện nhiều ở quê Vân, làm cho cuộc sống của mọi gia đình không được an toàn. Chính quyền huyện đã quyết định di chuyển gia đình Vân cùng một số gia đình khác trong ấp đến nơi ở mới. Ở nơi mới, việc đi lại, học tập và lao động của mỗi người đều bị xáo trộn, gặp nhiều khó khăn.

Câu hỏi:

a) Em hãy xác định những thay đổi trong cuộc sống của các nhân vật trong các tình huống trên.

b) Những thay đổi này có thể ảnh hưởng đến cuộc sống của các cá nhân và gia đình như thế nào?

6.2. Các kiểu bài học môn Giáo dục công dân lớp 9

SGK Giáo dục công dân 9 gồm bốn kiểu bài học, đó là bài học giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục pháp luật và giáo dục kinh tế. Trong SGK Giáo dục công dân 9 thuộc bộ sách Cánh Diều, các bài học được phân chia cụ thể như trong bảng dưới đây:

Các bài học về giáo dục đạo đức	Các bài học về giáo dục kỹ năng sống
Bài 1. Sống có lí tưởng	Bài 6. Quản lí thời gian hiệu quả
	Bài 7. Thích ứng với thay đổi
Bài 2. Khoan dung	Bài học về giáo dục kinh tế
	Bài 8. Tiêu dùng thông minh
Bài 3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	Các bài học về giáo dục pháp luật
Bài 4. Khách quan và công bằng	Bài 9. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí
Bài 5. Bảo vệ hoà bình	Bài 10. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế



Cấu trúc mỗi bài học đều gồm 4 phần học tập: *Mở đầu, Khám phá, Luyện tập, Vận dụng*.

Khi thực hiện dạy học các bài học trong SGK Giáo dục công dân 9, GV cần bám theo các yêu cầu cần đạt để không bị đi lệch trọng tâm của giờ học. Các yêu cầu cần đạt này đã được các tác giả viết sách cụ thể hoá trong việc thiết kế nội dung và hoạt động dạy học. Mặc dù có sự giống nhau về cấu trúc bài học và cùng bám theo định hướng phát triển năng lực HS, với mỗi kiểu bài học vẫn cần có cách tiếp cận vấn đề, cách dạy, cách học đặc trưng.

6.3. Cách dạy học

Cách dạy học Giáo dục công dân 9 cần đáp ứng được đặc trưng của dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh, khác với cách dạy học tập trung vào nội dung kiến thức. Sự khác biệt trong cách dạy học được thể hiện qua bảng dưới đây:

Dạy học theo tiếp cận nội dung	Dạy học theo tiếp cận năng lực
1. Coi trọng kiến thức	1. Coi trọng kĩ năng, thái độ
2. Coi trọng hoạt động ghi nhớ và tái hiện	2. Coi trọng hoạt động trải nghiệm, tìm tòi và khám phá
3. Coi trọng hiểu biết bề mặt	3. Coi trọng hiểu biết sâu
4. Coi trọng hoạt động tiếp thu, đồng nhất ý kiến	4. Coi trọng hoạt động thảo luận, tranh luận, phản biện, ý kiến riêng
5. Bài học được thiết kế dựa vào cấu trúc của nội dung học (Học cái gì?)	5. Bài học được thiết kế dựa vào cấu trúc của hoạt động học (Học thế nào?)
6. Lớp học tĩnh và học bị động	6. Lớp học động và học sinh năng động

6.3.1. Cách dạy học các bài giáo dục đạo đức

Với các bài học giáo dục đạo đức, các giá trị đạo đức như: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm là những giá trị cốt lõi để các tác giả xây dựng các hoạt động học.

Để việc dạy học các bài học này được hiệu quả, GV chú trọng việc khai thác các câu chuyện, thông tin, tình huống thực tiễn gần gũi với HS trung học cơ sở, tiêu biểu, điển hình để giáo dục cho HS giá trị đạo đức của bài học thông qua các hoạt động tương tác, giao tiếp đa chiều.

SGK đã cung cấp khá phong phú các tình huống điển hình để giúp GV dạy cho HS các giá trị đạo đức. Trong quá trình khai thác tình huống, GV nên đi theo một quy trình của quá trình nhận thức: từ những trường hợp cụ thể (riêng) để đến những



giá trị tổng thể (chung); từ thông tin, tình huống trong SGK để đến với đời sống thực tế của HS qua các hoạt động liên hệ. Bằng cách đó, GV giúp HS có thể kết nối cuộc sống với bài học, đưa bài học vào cuộc sống một cách thật tự nhiên.

Cần quan tâm việc phát triển thái độ, cảm xúc và hành vi cho HS, gắn liền với giá trị đạo đức nào đó. Do đó, với kiểu bài học này, GV cần khuyến khích HS bày tỏ ý kiến, thái độ và liên hệ đến cuộc sống thực của mình.

6.3.2. Cách dạy học các bài giáo dục kỹ năng sống

Khác với kiểu bài học giáo dục đạo đức vốn tập trung vào việc phát triển các giá trị đạo đức và thái độ sống phù hợp với HS, bài học giáo dục kỹ năng sống lại thiên về tính thực hành – một đặc trưng của các bài học giáo dục kỹ năng sống. Khi dạy các bài học kiểu này, GV cần thiết kế, tổ chức nhiều hoạt động thực hành gần gũi với các việc làm của HS khi ở nhà, ở trường để các em có cơ hội được rèn luyện và phát triển, từ đó dần dần tạo nên những kỹ năng và thói quen sống tích cực.

6.3.3. Cách dạy học các bài về giáo dục pháp luật

Để việc dạy học các bài học về giáo dục pháp luật được hiệu quả, GV cần tăng cường khai thác các thông tin, tình huống pháp luật (giả định hoặc có thật), đa dạng, gần gũi với HS trung học cơ sở, tiêu biểu, điển hình, kết hợp với việc cho HS tìm hiểu các điều luật cụ thể,... để giáo dục cho HS về các chuẩn mực pháp luật được đặt ra trong yêu cầu của bài học, thông qua các hoạt động trao đổi, thảo luận theo nhóm, theo lớp.

Cùng với việc đọc thông tin, tìm hiểu các điều khoản của luật, GV cần tăng cường sử dụng tình huống trong các hoạt động học tập. Các tình huống phải gần gũi thực tiễn, gần với lứa tuổi và nhận thức của HS để thay đổi không khí lớp học, tránh việc chỉ trao đổi các điều luật một cách nhàm chán.

6.3.4. Cách dạy học các bài về giáo dục kinh tế

Với bài học giáo dục kinh tế, là dạng bài tập trung giúp HS có ý thức và biết tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với chuẩn mực đạo đức, quy định của pháp luật, GV nên lựa chọn thông tin, số liệu, hoạt động gần gũi với các hoạt động sản xuất, tiêu dùng trong đời sống thông qua các hoạt động cá nhân, cặp, nhóm phù hợp.

6.4. Những lưu ý cần thiết khi khai thác nội dung sách giáo khoa Giáo dục công dân lớp 9 trong dạy học

Một trong những nguyên tắc mà GV cần bám sát khi khai thác nội dung SGK Giáo dục công dân 9 là: Luôn lấy yêu cầu cần đạt làm cơ sở cho việc tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp. Nội dung học tập được HS thảo luận, được GV đưa ra phải bám sát nội dung yêu cầu cần đạt, tránh tình trạng đi sâu phân tích mặt trái của vấn đề làm sai lệch yêu cầu của bài học. Chẳng hạn, bên cạnh việc tập trung vào nội dung cốt lõi là giữ gìn và bảo tồn di sản văn hoá bằng những việc làm cụ thể, phù hợp lứa tuổi thì



GV lại dành nhiều thời gian đi sâu phân tích, phê phán những hành vi, việc làm vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ di sản văn hoá.

Trên cơ sở SGK, GV hoàn toàn có thể linh hoạt, sáng tạo đưa ra những lựa chọn mới phù hợp hơn với thực tiễn sinh động của lớp học, trường học của mình. GV được quyền sáng tạo và linh hoạt trong việc sử dụng SGK, thay đổi dữ liệu, chất liệu, thay đổi tình huống, câu chuyện, cách tiếp cận vấn đề,... để thực sự có được những giờ học “học sinh là trung tâm”, mà không phải “sách là trung tâm”, hay “giáo viên là trung tâm”.

SGK *Giáo dục công dân 9* của bộ sách Cánh Diều phù hợp với mọi vùng miền trong cả nước, vì các tác giả đã tính đến sự đa dạng, khác biệt vùng miền. Tuy vậy, sự phổ quát đó khi đưa vào sử dụng trong thực tế vẫn có thể được điều chỉnh để trở nên “địa phương hoá”, từ đó có những giờ học giàu tính thực tế, gần gũi và hấp dẫn hơn với HS.

VII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Thời lượng thực hiện chương trình

7.1.1. Thời lượng thực hiện chương trình ở các lớp (theo số tiết học)

Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
35	35	35	35	35	35	35	35	35	70	70	70

Ở cấp trung học phổ thông, mỗi lớp có thêm 35 tiết/năm học cho các chuyên đề học tập lựa chọn.

7.1.2. Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục ở các lớp

Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục do tác giả sách giáo khoa và giáo viên chủ động sắp xếp căn cứ vào yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp và thực tế dạy học. Tỷ lệ % thời lượng các nội dung giáo dục như sau:

Nội dung giáo dục	Tiểu học					Trung học cơ sở				Trung học phổ thông		
	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
GD đạo đức	60%	55%	55%	55%	55%	35%	35%	35%	35%			
GD kĩ năng sống	30%	25%	25%	15%	25%	20%	20%	20%	20%			

GD kinh tế				10%	10%	10%	10%	10%	10%	45%	45%	45%
GD pháp luật		10%	10%	10%		25%	25%	25%	25%	45%	45%	45%

Thời lượng còn lại của chương trình dành cho các hoạt động đánh giá định kì.

7.1.3. Thiết bị dạy học

Ngoài các điều kiện thực hiện chương trình giáo dục phổ thông nêu trong Chương trình tổng thể, môn Giáo dục công dân cần được trang bị các tư liệu, phương tiện, đồ dùng dạy học phù hợp với đặc trưng của môn học và điều kiện thực tế như: tranh, ảnh, băng, đĩa, sách và tài liệu tham khảo có nội dung giáo dục về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế và pháp luật; máy chiếu; tivi;...

Bao gồm:

Sách giáo khoa là tài liệu chính và quan trọng nhất của giáo viên và HS để dạy và học trong nhà trường phổ thông. SGK là phương tiện nhằm cụ thể hoá các mục tiêu, yêu cầu, nội dung, phương pháp của Chương trình giáo dục phổ thông.

SGK môn GD CD 9 được biên soạn trên cơ sở chương trình môn GD CD, cụ thể hoá mỗi chủ đề trong chương trình mỗi lớp học thành nội dung bài học. SGK được biên soạn để HS, dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV, tham gia vào các hoạt động học tập một cách tích cực, chủ động và sáng tạo. Thông qua các hoạt động học tập, HS từng bước được hình thành các năng lực đặc thù cũng như các năng lực chung của môn học.

Sách giáo viên: Sách giáo viên là tài liệu dành riêng cho GV, là tài liệu hướng dẫn GV về mục tiêu và nội dung chương trình, phương tiện, phương pháp, tài liệu dạy học và cách tổ chức dạy học từng bài học trong Chương trình môn Giáo dục công dân lớp 9.

Học liệu điện tử: Học liệu điện tử môn Giáo dục công dân 9 gồm SGK phiên bản điện tử và SGK điện tử Cánh Diều.

1/ Phiên bản điện tử SGK Giáo dục công dân 9

SGK phiên bản điện tử là phiên bản điện tử của SGK giấy, được số hoá. Giáo viên, học sinh có thể truy cập, sử dụng tiện lợi khi không cần phải có SGK giấy bên cạnh. Phiên bản điện tử mẫu của bộ SGK lớp 9 Cánh Diều được đăng tải trên website: *hoc10.vn*

2/ Video clip hỗ trợ dạy học GD CD 9

Hệ thống học liệu, video clip hoạt hình hoá nội dung, hình ảnh, các dạng bài tập tương tác, giữa sách với người học, có khả năng hồi đáp – đánh giá kết quả làm bài của người học, do đó có tác dụng hướng dẫn học tập và theo dõi quá trình học của học sinh.

3/ Thiết bị, đồ dùng dạy học môn Giáo dục công dân lớp 9 được xây dựng phù hợp theo Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, có bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm của SGK Giáo dục công dân 9 “Cánh Diều”.



PHẦN THỨ HAI

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9 VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC, KẾ HOẠCH BÀI DẠY



(Theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH

ngày 18/12/2020 và Công văn số 2613 ngày 23/6/2021 của Bộ GDĐT)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hướng dẫn thực hiện chương trình môn giáo dục công dân

1.1. Thời lượng thực hiện chương trình ở các lớp (theo số tiết học)

Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
35	35	35	35	35	35	35	35	35	70	70	70

Ở cấp trung học phổ thông, mỗi lớp có thêm 35 tiết/năm học cho các chuyên đề học tập lựa chọn.

1.2. Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục ở các lớp

Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục do tác giả sách giáo khoa và giáo viên chủ động sắp xếp căn cứ vào yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp và thực tế dạy học. Tỷ lệ % thời lượng các nội dung giáo dục như sau:

Nội dung giáo dục	Tiểu học					Trung học cơ sở				Trung học phổ thông		
	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
GD đạo đức	60%	55%	55%	55%	55%	35%	35%	35%	35%			
GD kĩ năng sống	30%	25%	25%	15%	25%	20%	20%	20%	20%			
GD kinh tế				10%	10%	10%	10%	10%	10%	45%	45%	45%
GD pháp luật		10%	10%	10%		25%	25%	25%	25%	45%	45%	45%

Thời lượng còn lại của chương trình dành cho các hoạt động đánh giá định kì.



2. Nội dung giáo dục môn GD&CD lớp 9

Chương trình môn GD&CD 9 quy định thời lượng thực học trong một năm học và tỉ lệ thời lượng cho từng mạch nội dung và thời lượng dành cho đánh giá định kì. Căn cứ vào đó để tính số tiết cụ thể tương ứng cho từng mạch nội dung.

Từ số tiết của mạch nội dung sẽ phân chia thời lượng (tính số tiết) cho từng chủ đề dựa trên phân tích các yêu cầu cần đạt mà Chương trình đã quy định cho chủ đề đó.

STT	Mạch nội dung	Thời lượng	Tổng số tiết	Chủ đề theo CT	Bài học theo SGK	Số tiết
1	Giáo dục đạo đức	35%	13 tiết	Sống có lí tưởng	Bài 1. Sống có lí tưởng	2
				Khoan dung	Bài 2. Khoan dung	2
				Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	Bài 3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	3
				Khách quan và công bằng	Bài 4. Khách quan và công bằng	3
				Bảo vệ hoà bình	Bài 5. Bảo vệ hoà bình	3
2	Giáo dục kĩ năng sống	20%	7 tiết	Quản lí thời gian hiệu quả	Bài 6. Quản lí thời gian hiệu quả	4
				Thích ứng với thay đổi	Bài 7. Thích ứng với thay đổi	3
3	Giáo dục kinh tế	10%	3 tiết	Tiêu dùng thông minh	Bài 8. Tiêu dùng thông minh	3
4	Giáo dục pháp luật	25%	8 tiết	Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí	Bài 9. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí	4
				Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế	Bài 10. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế	4
5	Đánh giá định kì	10%	4 tiết			
6	Tổng	100%	35 tiết			

Đây là những căn cứ quan trọng để xây dựng nội dung, thiết kế các hoạt động học và lựa chọn ngữ liệu của một chủ đề/bài học tương ứng với thời lượng của chủ đề/bài học đó. Vì vậy, khi thực hiện chương trình môn GD&CD Lớp 9, GV có thể tăng hoặc giảm thời lượng của một chủ đề/bài học cho phù hợp với điều kiện và đối tượng HS, nhưng phải đảm bảo nguyên tắc không vượt quá tổng thời lượng môn học và thời



lượng của từng mạch nội dung không thay đổi, đồng thời ngữ liệu phải được bổ sung hoặc giảm đi khi tăng/giảm thời lượng của chủ đề/bài học đó.

3. Kế hoạch giáo dục của tổ/nhóm chuyên môn

Kế hoạch giáo dục (KHGD) của tổ/nhóm chuyên môn là căn cứ quan trọng để phân công nhiệm vụ cho GV trong tổ/nhóm. Từ bản kế hoạch này, GV có cơ sở triển khai việc xây dựng KHGD của cá nhân và Kế hoạch bài dạy (KHBD). KHGD của tổ/nhóm chuyên môn là cầu nối giữa mục tiêu của chương trình với các bài học cụ thể của GV.

Tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn là người chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức xây dựng KHGD của tổ/nhóm chuyên môn. Các GV trong tổ/nhóm dưới sự tổ chức và phân công nhiệm vụ của tổ trưởng/nhóm trưởng tham gia vào quá trình xây dựng KHGD, có thể trực tiếp xây dựng hoặc đóng góp các ý kiến. Sự tham gia của GV trong tổ/nhóm chuyên môn sẽ đảm bảo việc xây dựng một bản KHGD có tính thống nhất, sự đồng thuận cao.

KHGD của tổ/nhóm chuyên môn khi được phê duyệt bởi Hiệu trưởng nhà trường sẽ là căn cứ có tính chất pháp lí để GV triển khai thực hiện. Mỗi GV có thể cụ thể hóa kế hoạch của tổ chuyên môn thành kế hoạch KHGD cá nhân và KHBD. Quá trình thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch của tổ/nhóm chuyên môn, vì thế vừa là quá trình thực hiện các kế hoạch đặt ra, vừa là quá trình cá nhân hóa các nhiệm vụ trong một năm học.

KHGD của tổ/nhóm chuyên môn bao gồm hoạch dạy học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục. Tổ chuyên môn trong quá trình xây dựng các kế hoạch này có thể tham khảo cấu trúc gợi ý và kế hoạch minh họa dưới đây:

Cấu trúc kế hoạch giáo dục của tổ/nhóm chuyên môn

TRƯỞNG
TỔ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
NĂM HỌC:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Số lớp: Số học sinh:.....

2. Tình hình đội ngũ

Số giáo viên:.....

Trình độ đào tạo: Cao đẳng: Đại học:.....; Trên đại học:.....

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp: Tốt:..... Khá:..... Đạt:..... Chưa đạt:.....

3. Thiết bị dạy học

TT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm /thực hành	Ghi chú
1				
2				
...				

4. Phòng học bộ môn/phòng học đa năng/sân chơi, bãi tập

TT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

II. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

2.1. Môn:

* Phân phối chương trình

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1				
2				
...				

* Chuyên đề lựa chọn (Đối với cấp THPT)

STT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1			
2			
...			

* Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian làm bài	Yêu cầu cần đạt	Thời điểm	Hình thức
Giữa học kì I				
Cuối học kì I				
Giữa học kì II				
Cuối học kì II				

2.2. Môn:

.....

III. CÁC NỘI DUNG KHÁC

3.1.....

3.2.....

.....ngày.....tháng.....năm 20....

TỔ TRƯỞNG
(kí và ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT
(Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu)

TRƯỜNG THCS....

TỔ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

Năm học:

1. Khối lớp:.....; Số học sinh:.....

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
...								

2. Khối lớp:.....; Số học sinh:.....

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
...								

3. Khối lớp:.....; Số học sinh:.....

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)....., ngày.....tháng.....năm 20...
HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)**Kế hoạch minh họa:**

Kế hoạch minh họa 1

TRƯỜNG:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỔ:.....

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9**

Năm học: 2024 – 2025

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 5 ; Số học sinh: 200

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 2 ; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 1; Đại học: 1;...

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp:

3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thực hành	Ghi chú
1	Bộ tranh.....	... tờ		
2				

4. Phòng học bộ môn/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng đa năng/sân tập thể thao	1	1. Thực hành.....	
2	...			



II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1	Bài 1. Sống có lí tưởng	2 tiết (1,2)	- Nêu được khái niệm sống có lí tưởng. - Giải thích được ý nghĩa của sống có lí tưởng. - Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam. - Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.	- Năng lực: + Tự chủ và tự học; + Giao tiếp và hợp tác; + Điều chỉnh hành vi; + Phát triển bản thân. - Phẩm chất: + Yêu nước; + Trách nhiệm.
2	Bài 2. Khoan dung	2 tiết (3,4)	- Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung. - Nhận biết được giá trị của khoan dung. - Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. - Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.	- Năng lực: + Tự chủ và tự học; + Giao tiếp và hợp tác; + Điều chỉnh hành vi; - Phẩm chất: Nhân ái.
3	Bài 3. Tích cực tham gia hoạt động cộng đồng	3 tiết (5, 6,7)	- Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng; nêu được một số hoạt động cộng đồng. - Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng. - Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng. - Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức. - Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.	- Năng lực: + Giao tiếp và hợp tác; + Điều chỉnh hành vi; + Phát triển bản thân; + Tích cực tham gia hoạt động kinh tế - xã hội. - Phẩm chất: Trách nhiệm.



4	Kiểm tra giữa kì 1	1 tiết (8)		
5	Bài 4. Khách quan và công bằng	3 tiết (9,10,11)	- Nhận biết được những biểu hiện của khách quan, công bằng. - Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng; tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng. - Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày. - Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.	- Năng lực: + Giao tiếp và hợp tác; + Giải quyết vấn đề và sáng tạo; + Điều chỉnh hành vi; + Tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội. - Phẩm chất: + Trung thực; + Trách nhiệm.
6	Bài 5. Bảo vệ hoà bình	3 tiết (12,13, 14)	- Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình. - Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình. Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình. - Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình. - Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.	- Năng lực: + Giao tiếp và hợp tác; + Điều chỉnh hành vi; + Phát triển bản thân. - Phẩm chất: + Yêu nước; + Trách nhiệm.
7	Bài 6. Quản lí thời gian hiệu quả	4 tiết (15,16, 17,18)	- Hiểu được thế nào là quản lí thời gian hiệu quả. - Nhận biết được sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả. - Nêu được cách quản lí thời gian hiệu quả. - Thực hiện được kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả.	- Năng lực: + Điều chỉnh hành vi; + Giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Phẩm chất: Trách nhiệm.
8	Kiểm tra cuối kì 1	1 tiết (18)		

9	Bài 7. Thích ứng với thay đổi	3 tiết (20, 21, 22)	- Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình. - Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống. - Nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống. - Thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân.	- Năng lực: + Giải quyết vấn đề và sáng tạo; + Điều chỉnh hành vi; + Điều chỉnh và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội. - Phẩm chất: + Chăm chỉ; + Trách nhiệm.
10	Bài 8. Tiêu dùng thông minh	3 tiết (23, 24, 25)	- Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh. - Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh. - Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...). - Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể. - Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.	- Năng lực: + Giao tiếp và hợp tác; + Điều chỉnh hành vi; + Phát triển bản thân; + Tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội. - Phẩm chất: + Chăm chỉ; + Trách nhiệm
11	Kiểm tra giữa kì 2	1 tiết (26)		



12	Bài 9. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí	4 tiết (27, 28, 29, 30)	- Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. - Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí. - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể. - Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.	- Năng lực: + Giao tiếp và hợp tác; + Điều chỉnh hành vi; + Tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội. - Phẩm chất: Trách nhiệm.
13	Bài 10. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế	4 tiết (31, 32, 33, 34)	- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. - Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. - Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. - Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	- Năng lực: + Giao tiếp và hợp tác; + Điều chỉnh hành vi; + Tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội. - Phẩm chất: + Yêu nước; + Trách nhiệm.
14	Kiểm tra cuối kì 2	1 tiết (35)		

2. Kiểm tra, đánh giá định kì

Bài kiểm tra	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kì 1	45 phút	Tuần 8	Yêu cầu cần đạt các bài 1,2,3	Kiểm tra viết trên giấy TNKQ + Tự luận



Cuối Học kì 1	45 phút	Tuần 18	Yêu cầu cần đạt các bài 1,2,3,4,5,6,	Kiểm tra viết trên giấy TNKQ + Tự luận
Giữa Học kì 2	45 phút	Tuần 26	Yêu cầu cần đạt các bài 7,8	Kiểm tra viết trên giấy TNKQ + Tự luận
Cuối Học kì 2	45 phút	Tuần 35	Yêu cầu cần đạt các bài 7,8,9,10	Kiểm tra viết trên giấy TNKQ + Tự luận

III. Các nội dung khác :

.....

NHÓM TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

II – HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

(Theo công văn 5512/BGDĐT–GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

1. Cấu trúc kế hoạch bài dạy

TÊN BÀI:

Thời gian thực hiện: (số tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nêu cụ thể nội dung kiến thức HS cần học trong bài theo yêu cầu cần đạt đã ghi trong SGK.

2. Về năng lực

Nêu cụ thể yêu cầu HS **làm được gì** (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để **chiếm lĩnh** và **vận dụng** kiến thức theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học/hoạt động giáo dục.



3. Về phẩm chất

Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy) của HS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân lớp 9*;
- Đồ dùng học tập;
- Học liệu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

Xác định rõ mục tiêu của hoạt động là gì (tạo không khí thoải mái cho HS chuẩn bị vào bài học mới; HS bước đầu nhận biết, làm quen với nội dung bài học;...).

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ cho HS.
- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV giới thiệu bài học mới và những yêu cầu, nhiệm vụ cần giải quyết trong bài học.

KHÁM PHÁ

Hoạt động 2 (3, 4...): Hình thành kiến thức mới (*Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động*).

a) Mục tiêu

- Nêu mục tiêu giúp HS thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới.
- Các năng lực được phát triển cho HS.

b) Tổ chức thực hiện

Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho HS:

- GV nêu yêu cầu nhiệm vụ cho HS (làm việc theo nhóm: quan sát hình ảnh, đọc thông tin, thảo luận, trả lời câu hỏi,...).
- Sản phẩm làm việc của HS.
- GV kết luận, chốt kiến thức về những nội dung trong hoạt động.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Luyện tập

a) Mục tiêu



- Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học.
- Nêu rõ yêu cầu phát triển các kĩ năng vận dụng kiến thức cho HS.

b) Tổ chức thực hiện

- Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho HS; hướng dẫn, hỗ trợ HS thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.
- Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập tự luận, tình huống,... giao cho HS thực hiện.
- Sản phẩm: Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập do HS thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.
- Nêu rõ các năng lực hình thành ở HS sau phần Luyện tập.

VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Vận dụng

a) Mục tiêu

Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực cụ thể của HS thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn.

b) Tổ chức thực hiện

Giao cho HS thực hiện các bài tập vận dụng ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học của GV.

Tổng kết bài học

- Tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua một số câu hỏi.
- Hướng dẫn HS tự đánh giá sau bài học.

2. Kế hoạch bài dạy minh họa

BÀI 2

KHOAN DUNG

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung.
- Nhận biết được giá trị của khoan dung.



– Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

– Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung

2. Về năng lực

– *Tự chủ và tự học*: Tự lựa chọn các nguồn tài liệu học tập phù hợp và lưu giữ thông tin có chọn lọc khi nêu được khái niệm, biểu hiện của khoan dung, nhận biết được giá trị của khoan dung.

– *Giao tiếp và hợp tác*: Nhận biết được mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau; có thiện chí dàn xếp và biết cách dàn xếp mâu thuẫn khi thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung và phê phán những biểu hiện thiếu khoan dung.

– *Điều chỉnh hành vi*:

+ Nhận thức chuẩn mực hành vi: Nhận biết được khái niệm, biểu hiện và giá trị của khoan dung.

+ Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Phê phán những biểu hiện thiếu khoan dung.

+ Điều chỉnh hành vi: Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

2. Về phẩm chất

Nhân ái: Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT *Giáo dục công dân 9*;

– Máy chiếu, máy tính, bảng phụ, giấy A4, A3;

– Bút viết bảng, bút màu, băng keo/nam châm dính bảng;

– Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

Ở phần Mở đầu, dựa vào điều kiện lớp học, đối tượng HS, GV có thể sử dụng các cách khác nhau để tổ chức thành hoạt động Khởi động như: trò chơi “Ô chữ bí mật”, “Mảnh ghép kì diệu”, “Vua Tiếng Việt”,... GV cũng có thể thay thế trò chơi bằng một hoạt động Khởi động khác như “Nhìn hình đoán câu ca dao, tục ngữ”, “Kể về những tấm gương khoan dung mà em biết”,... và trả lời câu hỏi.

Dưới đây là một cách thiết kế để tổ chức hoạt động Khởi động.



Hoạt động 1. Khởi động

a) Mục tiêu: Bước đầu huy động được những kiến thức, hiểu biết của HS để tìm ra những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ phù hợp nói về khoan dung.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS mở SGK trang 11 và hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ theo gợi ý sau:
 - + Nhìn hình ảnh và đoán các câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ về khoan dung.
 - + Viết vào nháp những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ về khoan dung mà em biết.
 - + Trao đổi với bạn ngồi cạnh về những nội dung tìm được.
- HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn.
- GV gọi HS chia sẻ trước lớp về ý nghĩa của những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ tìm được.
- HS các cặp lần lượt trình bày, nghe các nhóm chia sẻ, trao đổi.
- GV dựa vào câu trả lời của HS để dẫn dắt vào hoạt động tiếp theo.

KHÁM PHÁ

Trong phần này, với mục 1 GV có thể sử dụng phương pháp dạy học khám phá, yêu cầu HS phân tích các thông tin trong SGK, hoặc sử dụng các video clip, hình ảnh (tìm thêm) có chứa các thông tin về khoan dung, tự phân tích và trả lời (dựa theo những câu hỏi trong SGK). Với mục 2, GV có thể sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, dạy học giải quyết vấn đề, đóng vai,... các kĩ thuật dạy học như: sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, mảnh ghép,...

Dưới đây là một cách thiết kế để tổ chức các hoạt động ở phần Khám phá.

Hoạt động 2. Tìm hiểu khái niệm, biểu hiện và giá trị của khoan dung

a) Mục tiêu: HS tự lựa chọn các nguồn tài liệu học tập phù hợp và lưu giữ thông tin có chọn lọc khi nêu được khái niệm, biểu hiện của khoan dung, nhận biết được giá trị của khoan dung.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS mở SGK trang 11, 12, chiếu trên màn hình thông tin 1, 2 (như trong SGK hoặc sưu tầm) chia lớp thành các nhóm (4 hoặc 6) và giao nhiệm vụ cho HS như sau:
 - + *Đọc thông tin 1, 2 trong SGK và trả lời câu hỏi a, b trang 12 SGK, ghi câu trả lời ra giấy A4/vở nháp/vở ghi.*
 - + *Thảo luận theo nhóm từ 4 – 6 HS/nhóm, sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn để thống nhất câu trả lời trên bảng phụ/giấy A3.*
 - a) *Em hãy nêu việc làm của nhân dân ta trong những thông tin trên và cho biết ý nghĩa của những việc làm đó.*
 - b) *Em hãy xác định các biểu hiện của khoan dung và cho biết thế nào là khoan dung.*



– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm. GV quan sát HS thực hiện, kịp thời hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

Sản phẩm: Bảng nhóm ghi được khái niệm, các biểu hiện và giá trị của khoan dung:

+ Khoan dung là rộng lòng tha thứ.

+ Biểu hiện của khoan dung:

• Tha thứ cho người khác khi họ biết hối hận và sửa chữa lỗi lầm.

• Tha thứ cho chính mình.

• Không cố chấp, hẹp hòi, định kiến,...

+ Ý nghĩa của khoan dung: khoan dung giúp người mắc lỗi có động lực khắc phục khuyết điểm, phát huy ưu điểm để sống tích cực hơn. Người có lòng khoan dung luôn được mọi người yêu mến, tin cậy và có nhiều bạn tốt. Nhờ có lòng khoan dung, các mối quan hệ trong xã hội trở nên lành mạnh, tốt đẹp hơn.

– HS cử đại diện nhóm lên bảng trình bày; HS trong lớp lắng nghe, ghi chép. Các nhóm lần lượt trình bày, nghe nhận xét, góp ý từ các nhóm khác; trả lời các câu hỏi (nếu có).

– GV yêu cầu HS tiếp tục chia sẻ về một tấm gương khoan dung mà em biết.

– GV dựa vào sản phẩm để phân tích thêm và chốt kiến thức theo SGK trang 12.

Hoạt động 3. Tìm hiểu cách thực hiện những việc làm thể hiện lòng khoan dung

a) Mục tiêu: HS nêu được cách thực hiện những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi; phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ cho các nhóm HS:

+ *Lựa chọn 1 trong 2 trường hợp và dựa vào các câu hỏi trong SGK trang 14 để phân tích, đưa ra nhận xét của mình về các nhân vật trong từng trường hợp, liên hệ với những suy nghĩ về việc làm của bản thân để rút ra bài học cho mình.*

+ *Dựa vào kết quả phân tích các trường hợp để xây dựng kịch bản đóng vai thể hiện suy nghĩ, hành động, việc làm của các nhân vật trong từng tình huống (lời thoại, tuyến nhân vật,...) và bài học cho bản thân.*

+ *Đóng vai theo kịch bản.*

a) Dựa vào những biểu hiện của khoan dung, em hãy nhận xét về thái độ, hành vi của các bạn học sinh trong mỗi trường hợp trên. Theo em, thái độ, hành vi của bạn nào thể hiện lòng khoan dung?

b) Từ hai trường hợp trên, em hãy nêu các việc làm thể hiện lòng khoan dung và những việc làm chưa khoan dung của bản thân.

– HS thảo luận nhóm để xây dựng kịch bản, phân công vai diễn, thực hiện đóng vai theo kịch bản trước lớp.

– GV quan sát HS làm việc, kịp thời phát hiện những nhóm có kịch bản tốt, ý tưởng hay để động viên, khích lệ và nhóm kịch bản còn sơ sài, thiếu ý tưởng để kịp thời gợi mở, định hướng thêm.



Sản phẩm: Ý kiến nhận xét về các nhân vật trong từng trường hợp và kịch bản đóng vai dựa trên kết quả phân tích, thảo luận.

+ **Trường hợp 1.** Bạn K biết hối hận, đã xin lỗi nhóm và rút kinh nghiệm để lần sau làm tốt hơn. Các bạn trong nhóm đã thể hiện sự khoan dung khi động viên K và không trách bạn.

+ **Trường hợp 2.** Bạn T đã hối hận, xin lỗi và sửa lỗi đối với bạn H nhưng H đã thể hiện sự cố chấp, hẹp hòi của mình khi không chấp nhận lời xin lỗi và hành động sửa lỗi của T.

+ **Bài học:** Mỗi người cần thể hiện sự khoan dung bằng những lời nói, việc làm cụ thể, phù hợp với bản thân.

– GV mời 1 nhóm có kịch bản tốt và 1 nhóm có kịch bản và ý tưởng sơ sài thực hiện đóng vai trước lớp. HS các nhóm còn lại quan sát, lắng nghe, ghi chép, đặt câu hỏi để làm rõ cách thực hiện lòng khoan dung.

– GV tổ chức cho HS thảo luận sau đóng vai:

+ Các biểu hiện mà HS có thể và cần thực hiện để thể hiện lòng khoan dung.

+ Nhận xét, đánh giá về những suy nghĩ/lời nói/hành động/việc làm thể hiện sự khoan dung; bài học rút ra cho bản thân.

– GV:

+ Tiếp tục nêu câu hỏi khai thác: *Em thường thể hiện sự khoan dung của mình bằng những việc làm cụ thể nào?*

+ Mời 3 – 5 HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi, những HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV dựa vào kết quả thảo luận của HS và phần kết luận trong SGK trang 14 để hướng dẫn HS kết luận và rút ra bài học cho bản thân.

LUYỆN TẬP

Phần Luyện tập có thể chia thành các hoạt động nhỏ tương ứng với các hoạt động ở phần hình thành kiến thức. GV cũng có thể tổ chức thành một hoạt động độc lập dưới hình thức trả lời phiếu, chơi trò chơi (Mảnh ghép, Đi tìm ẩn số, Ai nhanh hơn,...), hoặc đóng vai, tranh biện để thực hành các cách thể hiện sự khoan dung.

Hoạt động 4. Luyện tập

a) Mục tiêu

– HS nhận biết được mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau; có thiện chí dàn xếp và biết cách dàn xếp mâu thuẫn khi thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung và phê phán những biểu hiện thiếu khoan dung.

– HS tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác.

b) Tổ chức thực hiện

– GV phát Phiếu học tập và giao nhiệm vụ cho HS.

– HS thảo luận theo nhóm đôi để hoàn thành nhiệm vụ. GV quan sát HS làm việc và giúp đỡ khi cần thiết.

Sản phẩm: HS hoàn thành Phiếu học tập



PHIẾU HỌC TẬP

Họ tên HS: Lớp:

Bài 1. Em đồng tình, không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

(Đánh dấu X vào ô em lựa chọn và giải thích lí do)

Việc làm	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
A. Khoan dung là tha thứ cho mọi lỗi lầm của người khác.			
B. Khoan dung không chỉ là tha thứ cho người khác mà còn là tha thứ cho chính mình.			
C. Không bao giờ phê bình người khác là biểu hiện của khoan dung.			
D. Khoan dung là tha thứ cho người khác ngay cả khi họ không biết hối hận.			
E. Đối lập với khoan dung là hẹp hòi, ích kỉ.			

Bài 2. Xử lí tình huống

Tình huống	Cách xử lí
Bố mẹ giao cho V nhiệm vụ dọn dẹp nhà cửa mỗi ngày nhưng V thường xuyên mãi chơi quên việc. Dù bố mẹ đã nhắc nhiều lần nhưng V vẫn không thay đổi. Một lần, có khách đến chơi nhà, V chợt nhận thấy bố mẹ rất ngượng với khách khi nhà cửa bừa bộn. Nếu em là bố mẹ của V, em sẽ ứng xử như thế nào?	
Gia đình bà A luôn không tuân thủ các quy định chung của tập thể, hay to tiếng với mọi người trong khu phố. Mặc dù, tổ trưởng dân phố đã nhắc nhở nhiều lần nhưng gia đình bà A vẫn không thay đổi. Qua thời gian, bà A nhận thấy hàng xóm lạnh nhạt, xa lánh thì cảm thấy ngượng ngùng và hối lỗi. Trong cuộc họp của tổ dân phố, bà A đã có lời xin lỗi với bà con tổ dân phố và hứa sẽ sửa đổi. Nếu em là hàng xóm của bà A, em sẽ ứng xử như thế nào?	



Bài 3. Thuyết trình

Ý kiến	Thuyết trình và lấy ví dụ chứng minh
“Sức mạnh của lòng nhân ái và bao dung có thể cảm hoá được lỗi lầm của con người.”	

Bài 4. Em hãy kể lại một vài tình huống mà em đã thể hiện lòng khoan dung:

Tình huống	Với mọi người	Với chính bản thân em

– GV mời 2 – 3 cặp HS trình bày tại chỗ từng bài tập trong Phiếu học tập, những cặp HS khác đối chiếu với kết quả của mình để đưa ra nhận xét, trao đổi.

– GV hướng dẫn các cặp HS thực hành đóng vai theo bài tập 2, 4. GV tổ chức cho HS chia sẻ cảm nhận sau đóng vai. Với bài tập 3, GV có thể tổ chức cho HS tranh biện. GV chia lớp thành 2 đội, mỗi đội đại diện cho một quan điểm, mỗi đội phải dùng các lập luận của mình để chứng minh quan điểm mình đưa ra là hợp lí.

– GV dựa vào sản phẩm có được từ Phiếu học tập và kết quả quan sát phần thực hành đóng vai để phân tích thêm và đưa ra kết luận:

- + HS cần tôn trọng, học hỏi những tấm gương về sự khoan dung.
- + Luôn thể hiện sự thân thiện, sống chân thành, rộng lượng, biết tha thứ; tôn trọng và chấp nhận sự khác biệt của người khác.
- + Kiên quyết lên án, phê phán những định kiến, hẹp hòi, thiếu khoan dung.

VẬN DỤNG

Trong bài này, dựa vào gợi ý ở phần Vận dụng trang 15 SGK, GV có thể hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng 1 ở nhà và báo cáo kết quả trong giờ học sau hoặc giờ hoạt động trải nghiệm theo chủ đề. Với Vận dụng 2, GV có thể tổ chức cho HS thi viết thư tại lớp, sau đó tổ chức nhận xét, đánh giá,...

Dưới đây là một cách thiết kế để tổ chức các hoạt động ở phần Vận dụng.

Hoạt động 5. Vận dụng

a) Mục tiêu: HS tự lựa chọn các nguồn tài liệu học tập phù hợp và lưu giữ thông tin có chọn lọc khi nhận biết được giá trị của khoan dung.

b) Tổ chức thực hiện

Vận dụng 1:

– GV hướng dẫn HS sưu tầm các câu chuyện có nội dung về khoan dung để chia sẻ và rút ra bài học cho bản thân.

– HS thực hiện sưu tầm các câu chuyện (thực hiện ở nhà) qua các nguồn sách, báo, tạp chí, mạng Internet,...

– GV theo dõi, động viên, hỗ trợ trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ.



Sản phẩm: Những câu chuyện về sự khoan dung mà HS sưu tầm được.

– HS chia sẻ kết quả về quá trình sưu tầm câu chuyện với các bạn trong lớp (có thể trong giờ học môn GDCD sau đó hoặc giờ sinh hoạt lớp theo chủ đề,...).

– GV sử dụng kĩ thuật phòng tranh tổ chức cho HS bình chọn ra khoảng 3 – 5 câu chuyện ý nghĩa nhất để HS chia sẻ.

Vận dụng 2:

– GV phát giấy màu cho từng HS và giao nhiệm vụ cho HS thực hiện Vận dụng 2 tại lớp với nội dung:

+ *Mỗi HS viết vào giấy màu một lá thư khuyên bạn/người thân khi biết bạn/người thân vẫn còn day dứt về việc mắc lỗi của họ. (Yêu cầu ngắn gọn, lời khuyên ý nghĩa, tạo động lực, trình bày đẹp)*

+ *Tổ chức cho HS bình chọn lá thư ý nghĩa nhất để trình bày trước lớp.*

– HS chia sẻ với các bạn theo cặp đôi, GV theo dõi, động viên, hỗ trợ trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ

Sản phẩm: Lá thư của từng HS.

– GV sử dụng kĩ thuật phòng tranh tổ chức cho HS bình chọn từ 3 – 5 lá thư có lời khuyên ý nghĩa, tạo động lực nhất. Những lá thư được bình chọn sẽ trình bày trước lớp về giá trị và cảm nhận cũng như bài học nhận được từ lá thư đó.

Tổng kết bài: GV tổng kết nội dung chính và hướng dẫn HS tự đánh giá sau bài học.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9



Đánh giá là một khâu quan trọng của quá trình dạy học môn GDCC. Việc đánh giá kết quả học tập của HS trong môn GDCC được thực hiện theo tinh thần đổi mới hướng tới đánh giá khả năng tư duy, năng lực của HS theo các yêu cầu cần đạt về năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học, đánh giá khả năng vận dụng kiến thức của HS vào đời sống thực tiễn; đánh giá thái độ của HS trước các hiện tượng, vấn đề đạo đức, pháp luật trong đời sống xã hội xung quanh. Việc đánh giá không chỉ đánh giá kết quả mà còn tập trung vào đánh giá quá trình, đánh giá sự tiến bộ của HS.

Khi chuyển từ đánh giá theo chuẩn kiến thức, kỹ năng sang đánh giá theo năng lực, GV cần nhận ra được khả năng tiềm ẩn của HS, không chỉ đánh giá cái mà HS “biết” mà cần đánh giá những gì HS “làm”; quan tâm nhiều hơn đến sự tiến bộ và mức độ năng lực của mỗi cá nhân được bộc lộ trong quá trình học tập, qua đó có sự điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học phù hợp. Đánh giá theo định hướng phát triển năng lực lấy kết quả đầu ra và các phương diện biểu hiện làm mục tiêu, làm căn cứ, chú ý đến các nội dung đánh giá mang tính tổng hợp, gắn với việc giải quyết các tình huống thực tiễn.

1. Mục đích đánh giá

– Xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập môn GDCC của HS theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình môn học.

– Cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để HS điều chỉnh hoạt động học tập và GV điều chỉnh hoạt động dạy học.

2. Yêu cầu đánh giá

1. Đánh giá phải căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông (Chương trình tổng thể và Chương trình môn GDCC). Đảm bảo tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan khi đánh giá. Đánh giá vì sự tiến bộ của HS, coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng học tập của HS, không so sánh HS với nhau.

2. Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, công cụ khác nhau. Kết hợp đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập (bài kiểm tra dưới dạng trắc nghiệm, vấn đáp hoặc tự luận, bài tập thực hành, bài tiểu luận, bài thuyết trình, bài tập xây dựng kế hoạch, dự án nghiên cứu,...) với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, tập thể hay cộng đồng và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày. Chú trọng sử dụng các bài tập tình huống được xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với đời sống thực tiễn, đặc biệt là những tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với HS. Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn trong các bài tập kiểm tra, đánh giá để HS được thể hiện phẩm chất và năng lực. Việc đánh giá thông qua quan sát



biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia vào các hoạt động học tập, sinh hoạt ở trường, ở nhà và ở cộng đồng cần dựa trên phiếu nhận xét của GV, HS, gia đình và các tổ chức xã hội.

3. Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của phụ huynh học sinh và đánh giá của cộng đồng, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của HS.

4. Kết quả đánh giá sau mỗi học kì và cả năm học đối với mỗi HS là kết quả tổng hợp đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

3. Định hướng đánh giá

Do đặc thù của môn GD&CD, việc đánh giá kết quả học tập môn học này của học sinh lớp 9 cần được thực hiện theo một số định hướng sau:

** Đánh giá cả về nhận thức và hành vi, thái độ của HS*

Mục đích cuối cùng của môn GD&CD là hình thành và phát triển các hành vi, đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống và thái độ của HS trước các hiện tượng, vấn đề của đời sống thực tiễn xã hội xung quanh. Do vậy, đánh giá kết quả học tập môn GD&CD của HS lớp 9 cần đánh giá cả về nhận thức và về thái độ, biểu hiện hành vi thực hiện bài học giáo dục công dân của HS trong cuộc sống hằng ngày ở nhà trường, gia đình và cộng đồng; trong đó, đặc biệt coi trọng việc đánh giá hành vi của HS.

** Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì, đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số*

Đánh giá thường xuyên: Được thực hiện thông qua hỏi – đáp, viết, thuyết trình, thực hành, sản phẩm học tập và quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, các hoạt động tập thể và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày.

Đánh giá định kì: Gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

Đánh giá bằng nhận xét: GV dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của HS trong quá trình học tập. HS dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân. Cha mẹ học sinh, những cá nhân, tổ chức có tham gia vào quá trình giáo dục HS cung cấp thông tin phản hồi về việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Đánh giá bằng điểm số: GV dùng điểm số để đánh giá kết quả học tập của HS.

Việc đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số được sử dụng trong đánh giá thường xuyên và định kì phù hợp với đặc thù của môn GD&CD.

Việc kết hợp các hình thức đánh giá được thực hiện theo định hướng trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Việc đánh giá phải bảo đảm nguyên tắc: Đánh giá sự tiến bộ của HS, coi trọng sự động viên, khuyến khích cố gắng trong học tập, rèn luyện của HS; giúp HS phát huy nhiều nhất năng lực sẵn có hoặc đã được hình thành; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh HS này với HS khác, không tạo áp lực cho HS, GV và phụ huynh học sinh.



MỤC LỤC

Trang

Phần thứ nhất. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	2
I. Đặc điểm môn Giáo dục công dân	2
II. Quan điểm xây dựng chương trình	2
III. Mục tiêu môn Giáo dục công dân trung học cơ sở	3
IV. Yêu cầu cần đạt môn Giáo dục công dân trung học cơ sở	3
V. Nội dung môn Giáo dục công dân lớp 9	7
VI. Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân lớp 9	8
VII. Giải thích và hướng dẫn thực hiện chương trình	18
Phần thứ hai. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9	20
I. Hướng dẫn thực hiện chương trình	20
II. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy	28
Phần thứ ba. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9	35



*Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống*

**BỘ TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA LỚP 9**

1. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Toán lớp 9
2. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Ngữ văn lớp 9
3. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Lịch sử và Địa lí lớp 9 (Phần Địa lí)
4. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Lịch sử và Địa lí lớp 9 (Phần Lịch sử)
5. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Khoa học tự nhiên lớp 9
6. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Tin học lớp 9
- 7. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Giáo dục công dân lớp 9**
8. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Công nghệ lớp 9
9. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Âm nhạc lớp 9
10. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Mĩ Thuật lớp 9
11. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Giáo dục thể chất lớp 9
12. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Tiếng Anh lớp 9
13. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp lớp 9